

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	30	1,2 m ² /học sinh
II	Loại phòng học	30	54m ²
1	Phòng học kiên cố	30	54m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	54m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	26/30	0.87
8	Bình quân học sinh/lớp	1144/26	44
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9646m ²	9646m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3000m ²	1500m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1620m ²	54m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	270m ²	54m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	108m ²	108m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	500m ²	500m ²
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	30m ²	30m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	299	299/26
1.1	Khối lớp 10	94	94/10
1.2	Khối lớp 11	87	87/8
1.3	Khối lớp 12	118	118/8
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	57	57/26
2.1	Khối lớp 10	21	21/10
2.2	Khối lớp 11	17	17/8
2.3	Khối lớp 12	19	19/8
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	300m ²
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	19.07 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	9	



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	03	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Màn hình tương tác	03	
6	Thiết bị khác...	49	
X	Tổng số thiết bị đang sử dụng trên lớp		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	26	1.35
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
XI	Nhà bếp	
XII	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIV	Khu nội trú			

XV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	30	2	30	1	50	1	50
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XVI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVIII	Kết nối internet	Có	
XIX	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XX	Tường rào xây	Có	

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Hiền